TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC LINH** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 44/2024/DS-ST Ngày: 31-5-2024 V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Mai Thuận.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Trọng Kim và ông Lê Hoàng Phúc.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Mai Thảo Chi – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Thanh Tốt – Kiểm sát viên.

- Thư ký Tòa án hỗ trợ tại điểm cầu thành phần (Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Phòng giao dịch huyện Đức Linh): Ông Bùi Chí Bảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh.

Ngày 31 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đức Linh và Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Phòng giao dịch huyện Đức Linh xét xử sơ thẩm công khai (bằng hình thức xét xử trực tuyến) vụ án dân sự thụ lý số: 08/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 01 năm 2024, về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2024/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 77/2024/QĐST-DS ngày 03 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, giữa các bên đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín.

Địa chỉ: 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức Thạch D. Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lương Trọng T. Chức vụ: Trưởng phòng giao dịch Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh tỉnh Bình Thuận – Phòng giao dịch huyện Đức Linh.

Người được ủy quyền lại: Ông Huỳnh Quốc K.

Chức vụ: Phó phòng giao dịch phụ trách kinh doanh - Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh tỉnh Bình Thuận – Phòng giao dịch

huyện Đức Linh.

Địa chỉ: Số 54, đường ĐT 766, thôn 4, xã Đức Hạnh, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. (theo giấy ủy quyền số 167 ngày 29/12/2023)

- Bị đơn: Bà Dương Thị C, sinh năm 1970;

Nơi cư trú: Số 8, đường Phạm Hồng Thái, khu phố 10, thị trấn Đt, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Tả Văn Bảy, sinh năm 1969.

Nơi cư trú: Số 8, đường Phạm Hồng Thái, khu phố 10, thị trấn Đt, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa, có mặt Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt và không có đơn xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Ngày 27/9/2022, Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh tỉnh Bình Thuận – Phòng giao dịch huyện Đức Linh đã ký giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng với bà Dương Thị C, với một số thông tin như sau:

Loại thẻ: JCB Jspeedy Cre Classic.

Hạn mức tín dụng: 50.000.000 đồng.

Ngày chốt sao kê: ngày 15 hàng tháng.

Dư nợ tính đến ngày 22/12/2023 là 72.272.281 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, bà Dương Thị C không thanh toán đúng hạn theo như cam kết. Ngân hàng đã nhiều lần gửi thông báo nhắc nợ và làm việc trực tiếp với bà Dương Thị C nhưng bà C vẫn không có thiện chí trả nợ.

Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín yêu cầu bà Dương Thị C và ông Tả Văn Bảy có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín số tiền nợ gốc là 57.295.921 đồng và và tiếp tục trả lãi, phí phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn trình bày: Bà C thừa nhận có nợ thẻ tín dụng tại Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín với số tiền 50.000.000đồng, để cho con ăn học; bà C đồng ý trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín số tiền 50.000.000 đồng, còn số tiền lãi theo yêu càu của Ngân hàng thì bà C không đồng ý vì trước đây bà C đã trả lãi quá nhiều và hiện nay kinh tế của bà C đang gặp khó khăn nên bà C xin không tính lãi nữa.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Tả Văn Bảy: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải, giấy triệu tập và Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho ông Bảy, tuy nhiên ông Bảy không cung cấp ý kiến, tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông Bảy đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên toà:

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu vợ chồng bà C và ông Bảy có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn số tiền nợ vay gốc là 57.295.921 đồng và yêu cầu trả số tiền lãi chậm trả phát sinh tính đến ngày 31/5/2024 là 27.819.909đồng thời yêu cầu bà C và ông Bảy tiếp tục chịu lãi, phí từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả xong nợ vay theo như thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kết.

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt.

Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn vá người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các bên đương sự tại phiên tòa hôm nay, xét thấy việc nguyên đơn khởi kiện là hoàn toàn có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bà C và ông Bảy có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn số tiền nợ vay gốc là 50.000.000đồng và tiền lãi với mức lãi suất 33,2%; không chấp nhận các khoản phí trễ hạn, phí vượt hạn mức và lãi quá hạn, tuy nhiên cần tính trừ số tiền mà vợ chồng bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn vào tiền lãi phát sinh, số tiền lãi còn lại buộc vợ chồng bị đơn tiếp tục thanh toán cho nguyên đơn theo mức lãi suất như thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kết.

Về án phí: Buộc bà C và ông Bảy phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

(có bài phát biểu kèm theo)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu vợ chồng bị đơn thanh toán tiền nợ vay và lãi suất, phí phát sinh theo hợp đồng tín dụng; bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu phố 10, thị trấn Đt, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Luật các tổ chức tín dụng, Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ tranh chấp cần giải quyết theo vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

[2] Về tố tụng: Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt và không có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Về chứng cứ: Tại phiên tòa, Đại diện hợp pháp của nguyên đơn cung cấp cho Hội đồng xét xử 01 tóm tắt sao kê lập ngày 31/5/2024, 01 bản sao Quyết định số 2321/2022/QĐ-TTT ngày 19/9/2022 về việc ban hành biểu phí sản phẩm dịch vụ thẻ Sacombank phát hành tại Việt Nam (kèm các biểu phí và phụ lục), 01 bản sao giấy ủy quyền số 167 ngày 29/12/2023 Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh tỉnh Bình Thuận – Phòng giao dịch huyện Đức Linh, 01 bản sao Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (có hiệu lực từ ngày 24/8/2020); ngoài ra, các đương sự không nộp tài liệu, chứng cứ mới nào khác để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ tài liệu, chứng cứ mà đương sự đã giao nộp có trong hồ sơ vụ án, tại phiên tòa và Tòa án đã thu thập được theo khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án.

[4] Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và do các đương sự cung cấp tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ án như sau:

[4.1] Về tính pháp lý của giao dịch dân sự:

Căn cứ vào bản sao giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng lập ngày 27/9/2022 giữa Ngân hàng TMCP Sài Gòn thương tín và bà Dương Thị C thì có cơ sở xác định đây là hợp đồng tín dụng thanh toán qua hình thức cấp thẻ tín dụng (loại thẻ: JCB Jspeedy Cre Classic), lập thành văn bản, có thỏa thuận thời hạn vay, lãi suất vay và các thỏa thuận khác. Tại thời điểm xác lập giao dịch vay tiền hai bên đều đầy đủ năng lực hành vi dân sự, các thỏa thuận không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội; do đó giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng lập ngày 27/9/2022 đảm bảo các quy định tại Điều 117, 118, 119 và 463 của Bộ luật dân sự và Luật các tổ chức tính dụng, nên được pháp luật dân sự bảo vệ.

Căn cứ Điều 429 của Bộ luật dân sự năm 2015, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả tiền là có căn cứ và đúng quy định.

[4.2] Về xác định nghĩa vụ trả nợ vay:

Tại Điều 466 của Bộ luật dân sự quy định nghĩa vụ trả nợ của bên vay như sau:

"1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác."

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn thừa nhận có vay của nguyên đơn số tiền 50.000.000đồng qua hình thức cấp thẻ tín dụng và đồng ý trả số tiền trên cho nguyên đơn số tiền 50.000.000đồng.

Tại mục "Cam kết" trong giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng lập ngày 27/9/2022 có thể hiện nội dung "….*Bằng việc ký vào Giấy đề nghị này, Tôi/chúng tôi xác nhận rằng Tôi/Chúng tôi đã đọc và đồng ý bị ràng buộc bởi Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Sacombank.* ***Điều khoản và Điều kiện cùng với Giấy đề nghị này tạo thành Hợp đồng*** *phát hành thẻ và sử dụng thẻ tín dụng giữa Tôi/Chúng tôi và Sacombank. Tôi/Chúng tôi* ***chịu trách nhiệm đối với các nghĩa vụ*** *và trách nhiệm phát sinh từ hoặc liên quan đến việc phát hành và sử dụng thẻ tín dụng mà Tôi/Chúng tôi đã được cấp…..*"

Tại "*Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (có hiệu lực từ ngày 24/8/2020)"* do Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín phát hành và đã được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức của Sacombank (https://www.sacombank.com.vn/ho-tro) có các quy định về các loại phí (mục 25), cách xác định lãi (kể cả lãi quá hạn) và trách nhiệm do vi phạm (mục 23 và 24), ngoài ra tại mục 17 của Điều khoản và điều kiện còn có quy định về "Vượt hạn mức", kể cả phí do vượt hạn mức.

Bà Dương Thị C tự nguyện ký kết vào giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng lập ngày 27/9/2022 với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín để được cấp tín dụng, nên bà C đã biết các Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín. Tuy nhiên, sau khi rút toàn bộ số tiền được cấp tín dụng (vào ngày 15/11/2022) thì bà C chỉ thanh toán cho nguyên đơn được 04 kỳ và sau đó không thanh toán theo thỏa thuận và đã vi phạm các cam kết, thỏa thuận đã ký kết với bên nguyên đơn. Cho nên, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ vay gốc và các khoản phí, lãi phát sinh đến ngày 15/6/2023 là 57.295.912 đồng là có căn cứ, phù hợp với các điều khoản đã được giao kết, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về xác định người có nghĩa vụ thanh toán: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cung cấp cho Tòa án 01 biên bản làm việc với ông Tả Văn Bảy (chồng của bà C) vào ngày 18/7/2023, theo đó ông Bảy thừa nhận số tiền bà C vay của Ngân hàng Sacombank và cam kết thanh toán nợ cho Ngân hàng. Do đó, có cơ sở để khẳng định khoản tiền bà C vay của Ngân hàng Sacombank là khoản nợ chung của vợ chồng bà C ông Bảy trong thời kỳ hôn nhân và nguyên đơn yêu cầu ông Bảy liên đới cùng bà C thanh toán số tiền nợ vay gốc và tiền lãi phát sinh là hoàn toàn phù hợp quy định tại Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4.3] Về lãi suất:

Tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 có quy định "*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*" và tại Mục I của Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao – Viện kiểm sát nhân dân tối cao – Bộ tư pháp – Bộ tài chính, hướng dẫn về việc xét xử và thi hành án về tài sản, theo đó lãi suất theo hợp đồng tín dụng không bị giới hạn bởi mức trần lãi suất cơ bản mà phụ thuộc vào thỏa thuận của các bên trong hợp đồng tín dụng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu vợ chồng bị đơn phải trả lãi trên tổng dư nợ (kể cả lãi, các loại phí) với số tiền tính đến ngày 31/5/2024 là 27.819.909đồng và yêu cầu vợ chồng bị đơn tiếp tục trả lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng kể từ ngày 01/6/2024 đến khi trả xong toàn bộ các khoản nợ là phù hợp với các thỏa thuận tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng lập ngày 27/9/2022, mục 24 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín *(có điều khoản về áp dụng lãi suất quá hạn đối với toàn bộ dư nợ theo quy định của Sacombank),* đồng thời phù hợp với quy định tại Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 7, Điều 8 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và Mục I của Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao – Viện kiểm sát nhân dân tối cao – Bộ tư pháp – Bộ tài chính và Án lệ 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo quyết định số 689/QĐ-CA, ngày 17/10/2016 của Chánh án Toà án nhân dân Tối cao, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí DSST. Buộc bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

[6] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tại phiên tòa về số tiền nợ vay gốc và tiền lãi phải trả phù hợp với những nhận định nêu trên. Đối với ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát về việc không chấp nhận các khoản phí trễ hạn, phí vượt hạn mức và lãi quá hạn là chưa phù hợp với những nhận được nêu trên.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 93; Điều 95; Điều 227, Điều 228, Điều 235, khoản 1 Điều 147; Điều 161, Điều 262; Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 429, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 91, 94, 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Án lệ 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao thông qua ngày 17/10/2016 (được công bố theo quyết định số 689/QĐ-CA, ngày 17/10/2016 của Chánh án Toà án nhân dân Tối cao); Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 7, Điều 8 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Mục I của Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao – Viện kiểm sát nhân dân tối cao – Bộ tư pháp – Bộ tài chính; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn thương tín.

Buộc bà Dương Thị C và ông Tả Văn Bảy có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn thương tín số tiền nợ vay gốc là 57.295.921 đồng (bằng chữ: Năm mươi bảy, hai trăm chín mươi lăm nghìn, chín trăm hai mươi mốt đồng) và số tiền lãi phát sinh tính đến ngày 31/5/2024 là 27.819.909 đồng (bằng chữ: hai mươi bảy triệu, tám trăm mười chín nghìn, chín trăm lẻ chín đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng lập ngày 27/9/2022 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn thương tín và bà Dương Thị C.

2. Về án phí:

- Buộc bà Dương Thị C và ông Tả Văn Bảy phải nộp số tiền 4.255.000 (bằng chữ: bốm triệu, hai trăm năm mươi lăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Án phí nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

- Trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn thương tín số tiền 1.806.000 (bằng chữ: một triệu, tám trăm lẻ sáu nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh theo các biên lai thu tiền số: 0004111 ngày 04 tháng 01 năm 2024.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, để Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Đức Linh;
- Chi cục THADS huyện Đức Linh;
- Lưu hồ sơ vụ án, tập án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mai Thuận